TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần thành Hiệp
2. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: không tham gia

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp PI, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Tạm trú: số 06, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp PI, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2004, hôn nhân do mai mối và được cha mẹ cưới gã, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 22/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, bà có mâu thuẫn với gia đình chồng nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông T nên

yêu cầu được ly hôn ông T.

- Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Thanh Phú Q, sinh ngày 28/02/2005 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/9/2007. Hiện hai con chung đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà đồng ý để ông T tiếp tục nuôi con chung, bà không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại bản tự khai ngày 13/12/2021 bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị H về thời gian và điều kiện kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông không còn tình cảm với bà H nên trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Thanh Phú Q, sinh ngày 28/02/2005 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/9/2007. Hiện hai con chung đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại bản trình bày ý kiến con chung cháu Nguyễn Thanh Phú Q và cháu Nguyễn Ngọc Anh T1 trình bày nguyện vọng được sống cha sau khi cha mẹ ly hôn vì cha là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu sau khi cha mẹ không sống chung.

* Tại phiên tòa:

- Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh T là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Thanh T cư trú tại tổ 17, ấp PI, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2004, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 22/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn bà Trần Thị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với gia đình chồng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, bà H có mâu thuẫn với gia đình chồng. Hiện nay bà H và ông T không còn sống chung, bà H không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn ông T. Ông Nguyễn Thanh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện nay ông không còn tình cảm với bà H nên ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

2.2 Về con chung: bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh T có hai con chung tên Nguyễn Thanh Phú Q, sinh ngày 28/02/2005 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/9/2007, hiện hai cháu Q và T1 do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T yêu cầu được nuôi con chung, bà H cũng đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Q và cháu T1 có nguyện vọng được sống với cha nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Q và T1.

2.*3 Về cấp dưỡng nuôi con chung*: ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 163 ngày 22/12/2004 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: ông Nguyễn Thanh T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Phú Q, sinh ngày 28/02/2005 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/9/2007.

Bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002728 ngày 22/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Phúc